



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP VICEM Bao bì Bể Sơn

Ngày 31/12/2025	12,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-8.9%	12.5%

DT thuần Q4/25
69.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.10 7.9%
YoY: ▼11.9 -14.7%

LN thuần Q4/25
0.70
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.21 43.8%
YoY: ▲ 0.18 35.5%

LN sau thuế Q4/25
0.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.24 65.7%
YoY: ▲ 0.22 57.0%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
1.2%
YoY: +/- ▲ 0.1%

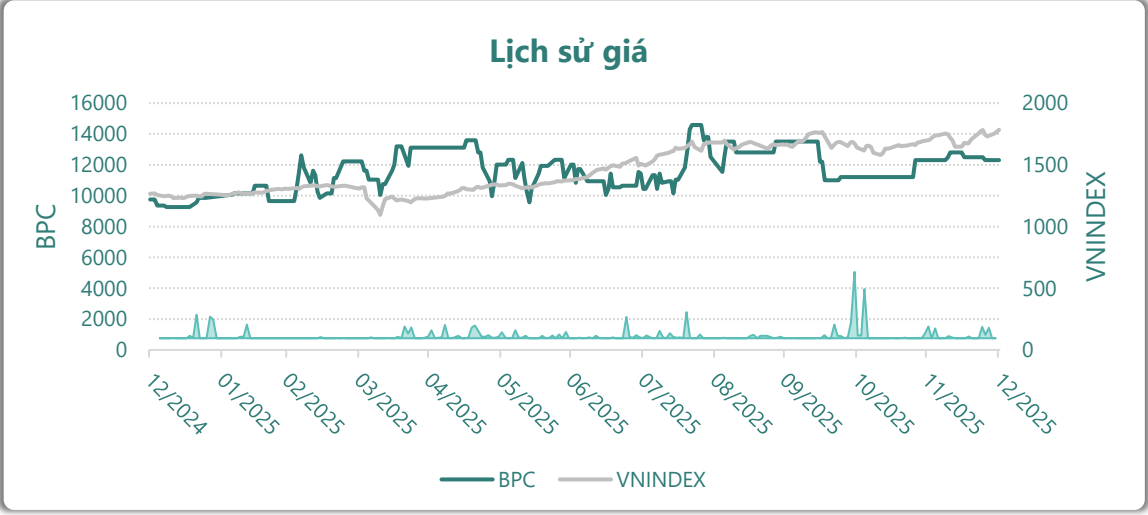
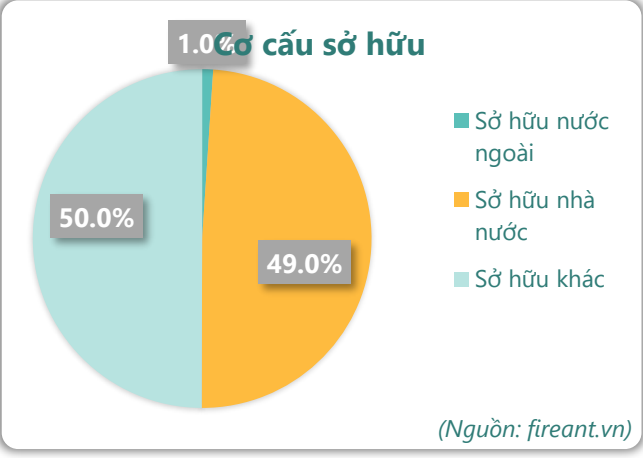
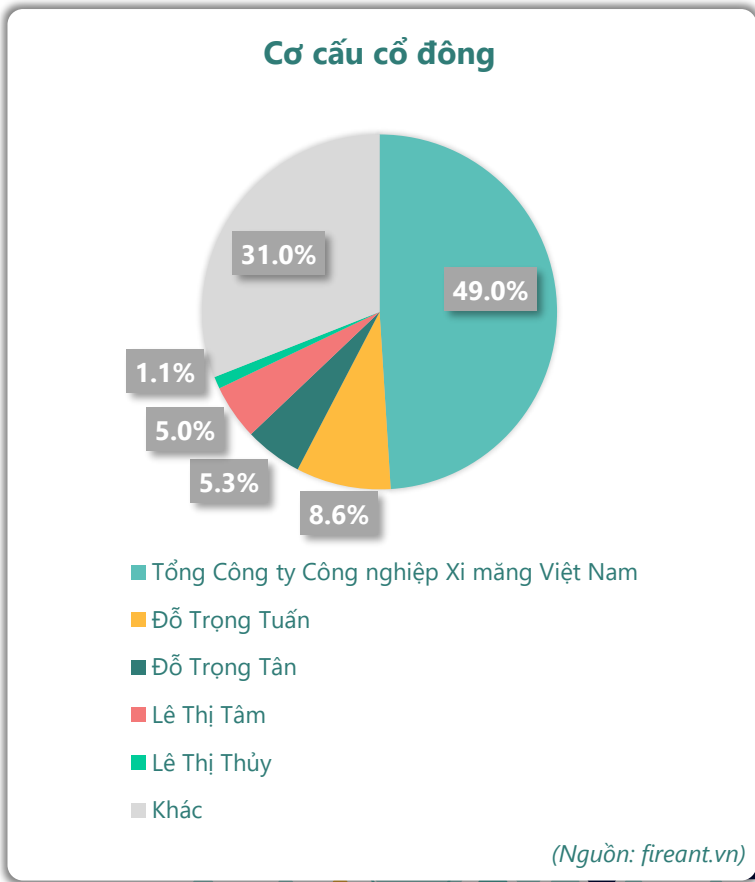
ROE 2025
1.5%
YoY: +/- ▲ 0.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,263 - 14,584
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	47
Số lượng CPLH (CP)	3,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,405
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	(0.53)
EPS	381
P/E	32.3

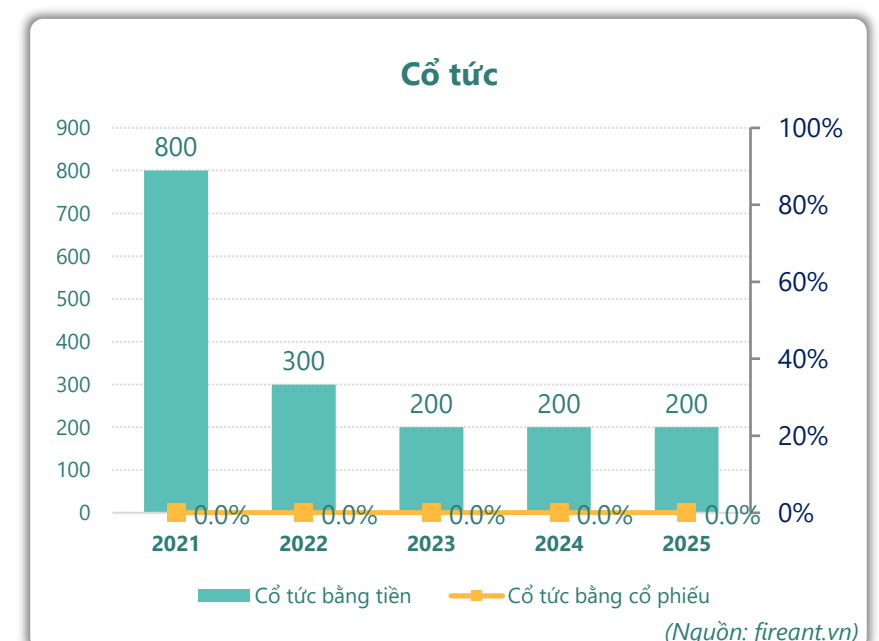
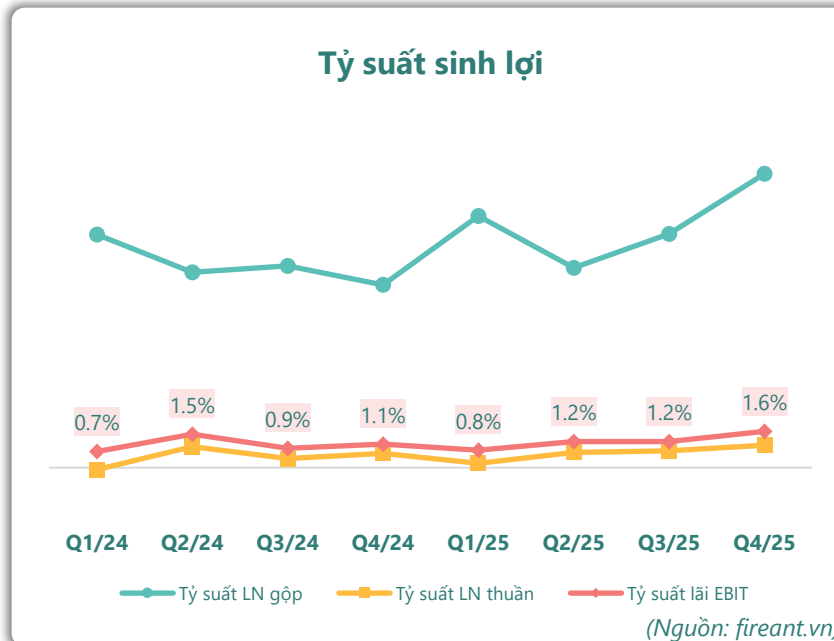
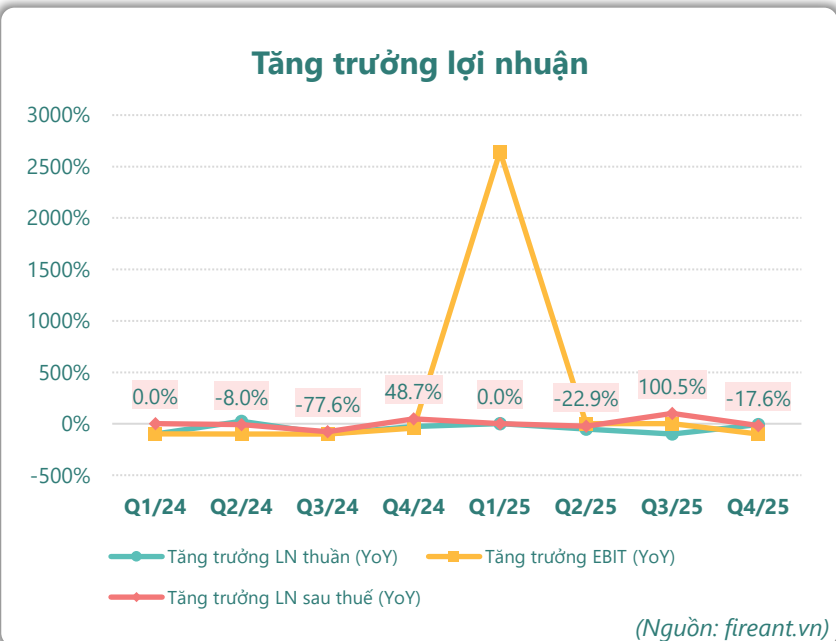
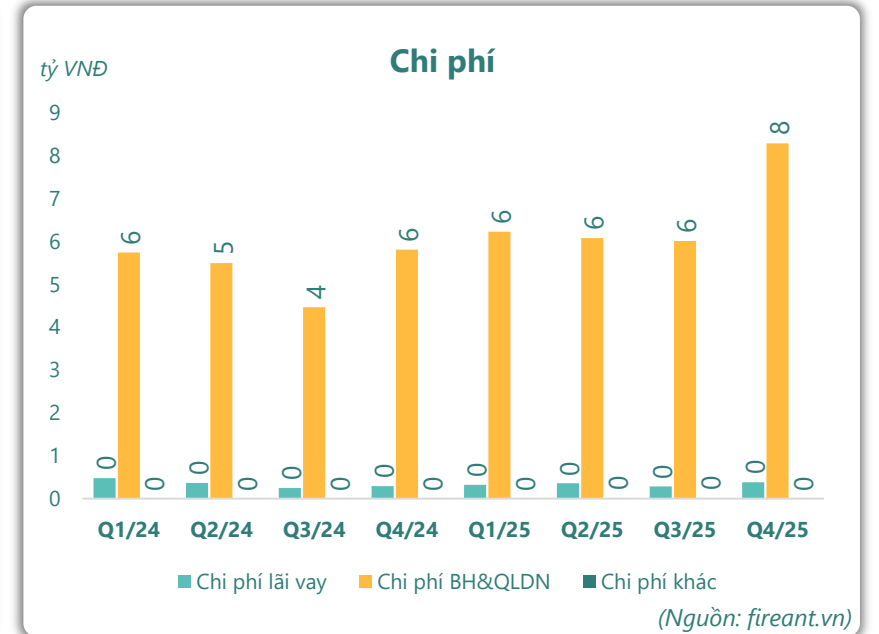
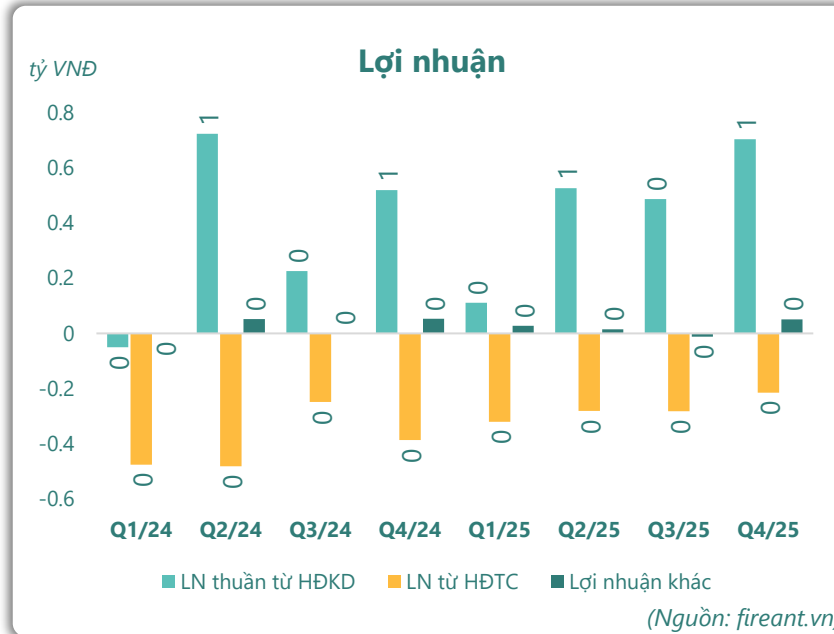
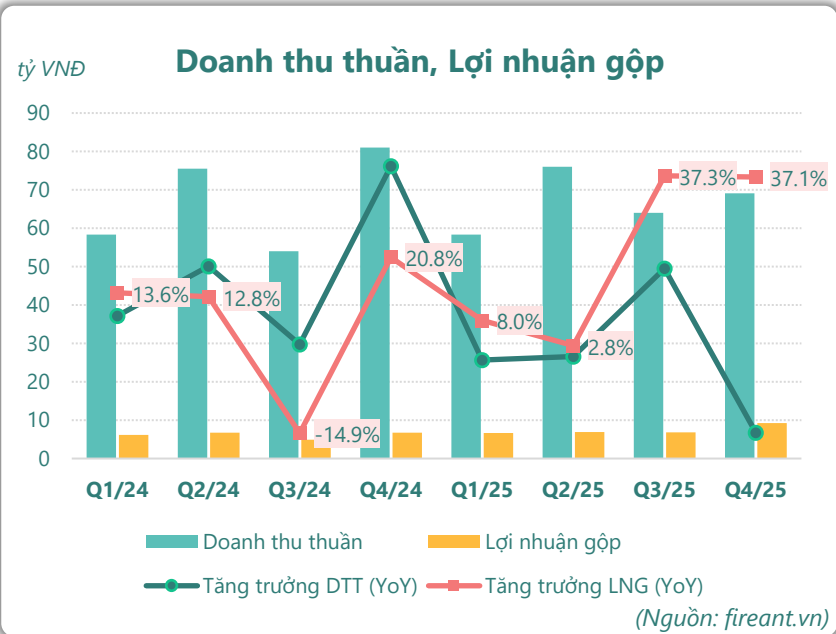
DT thuần 2025
267
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.00 -0.6%

LN thuần 2025
1.83
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.43 30.4%

LN sau thuế 2025
1.45
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.35 31.9%



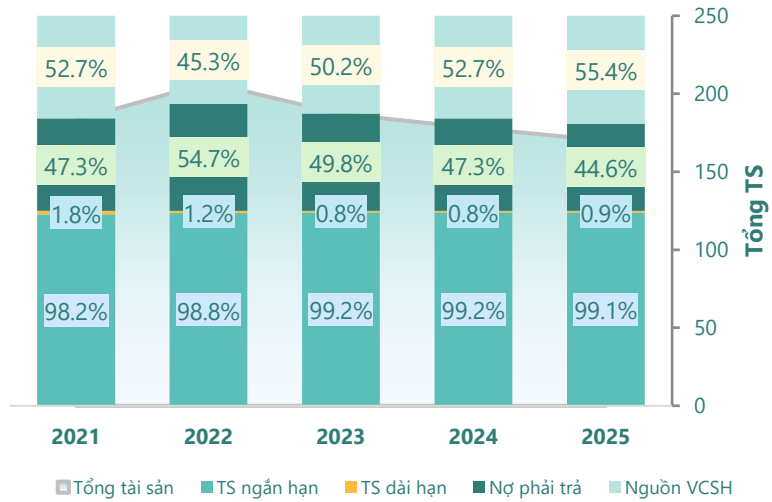
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

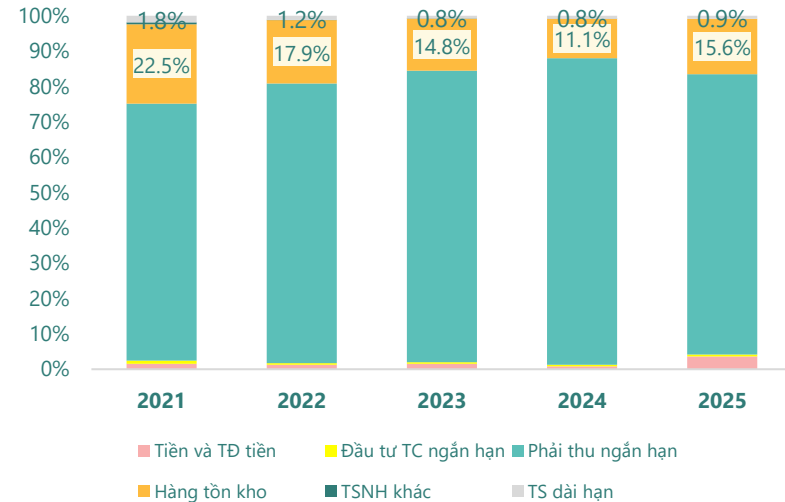
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

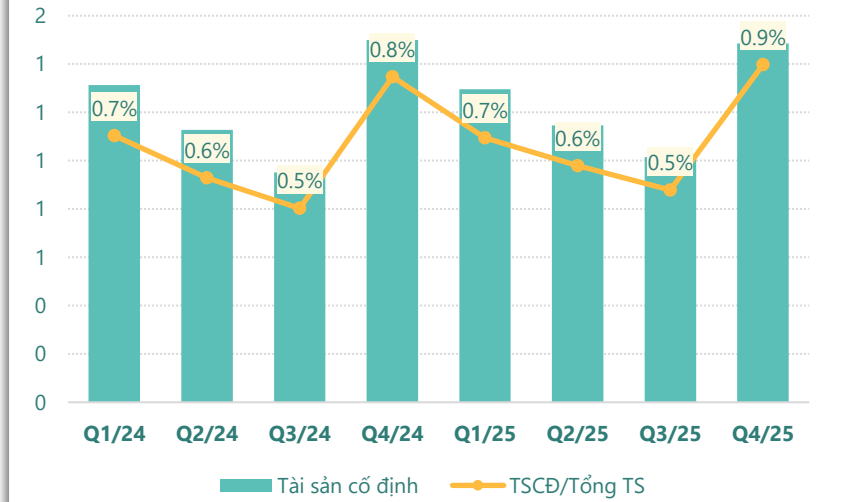
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

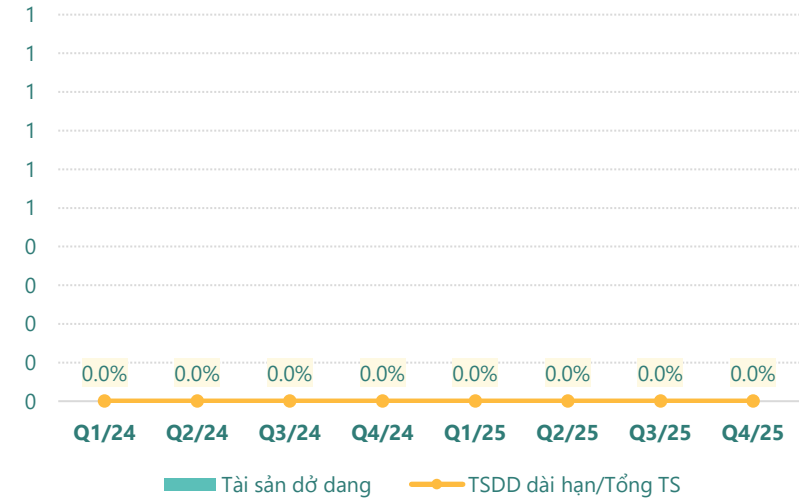
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

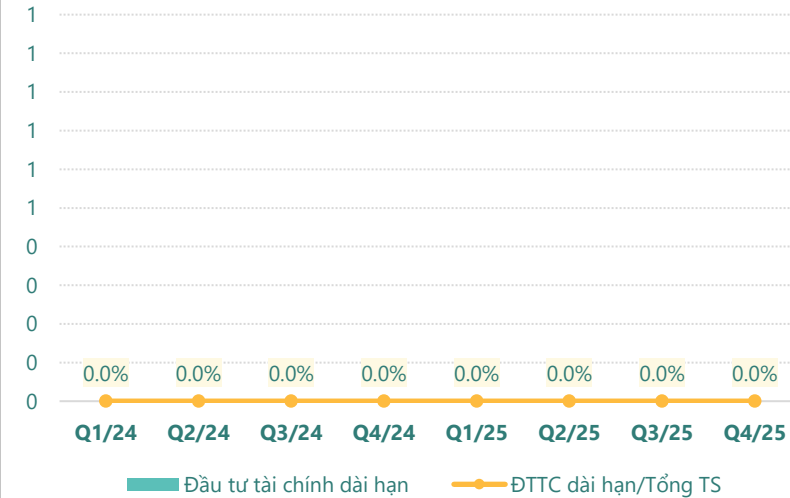
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

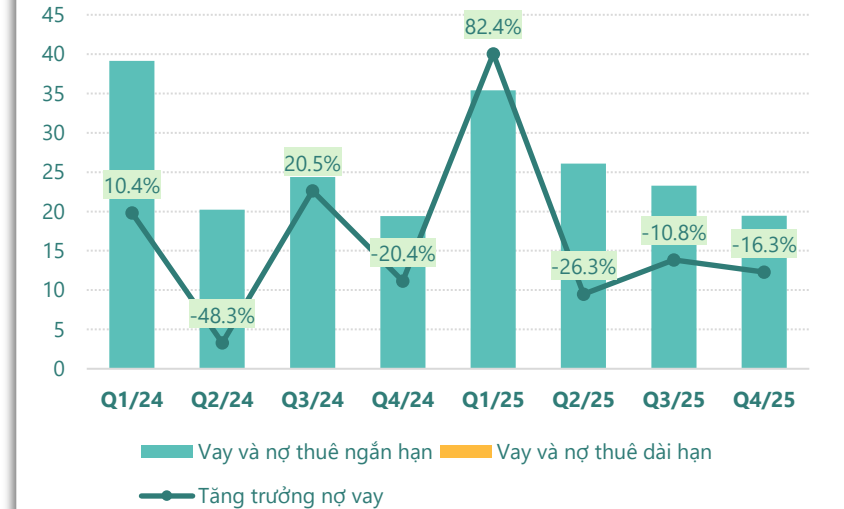
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

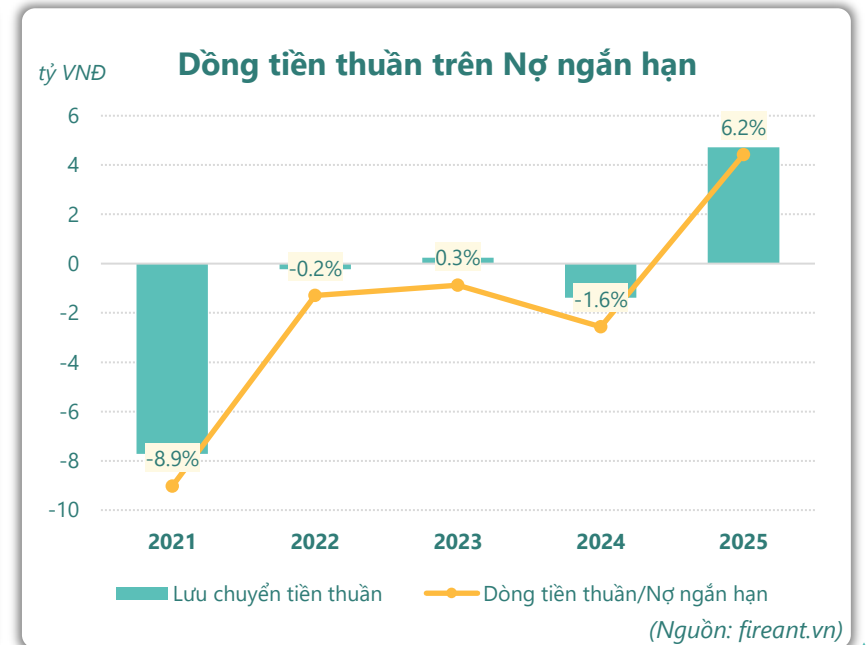
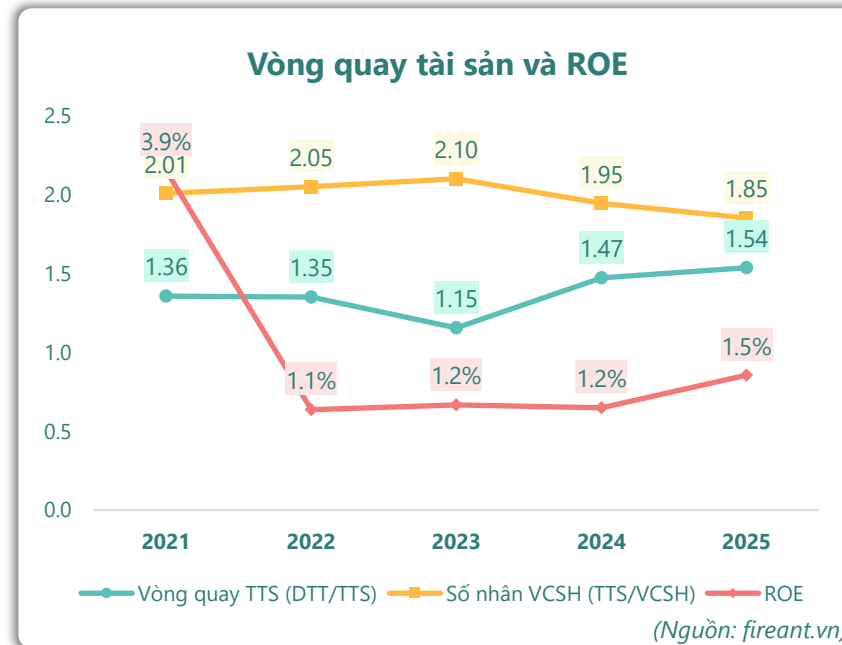
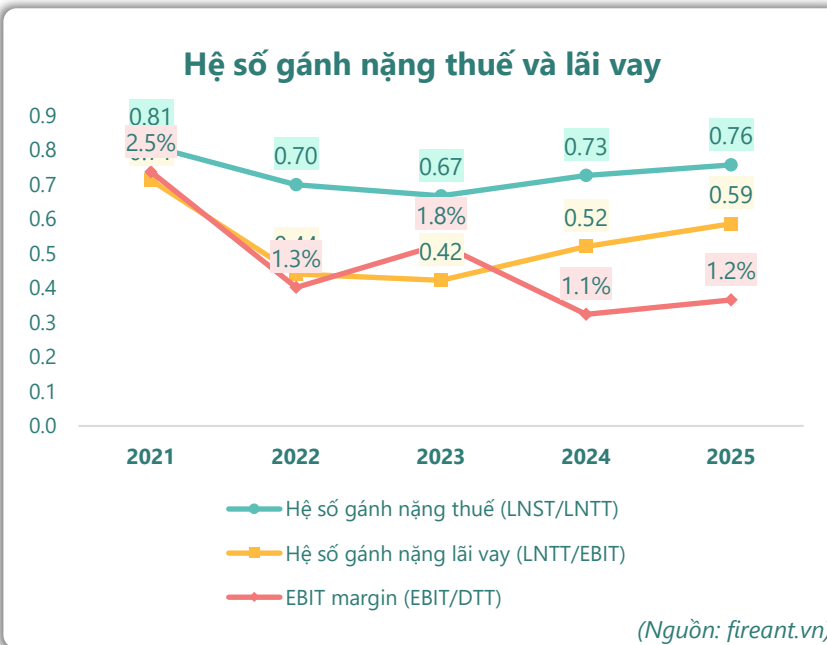
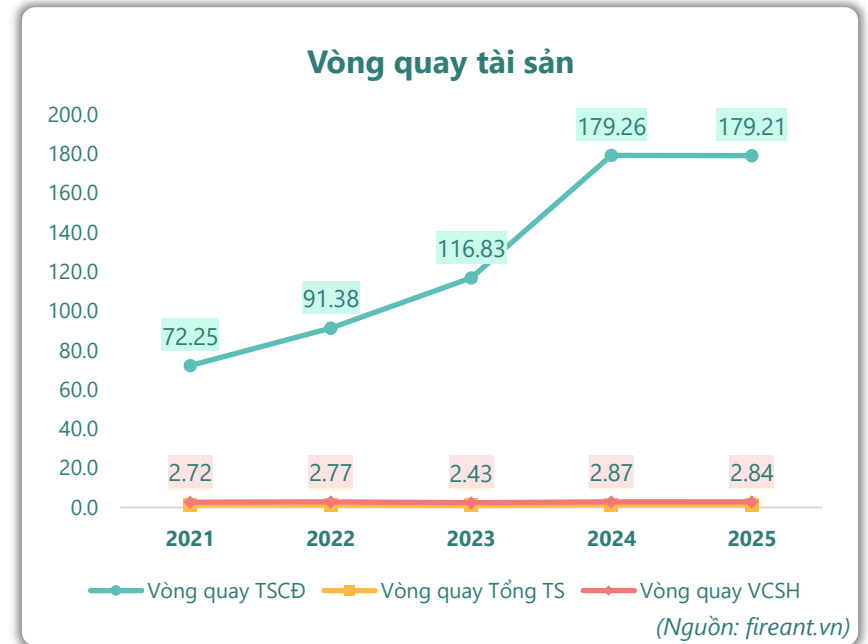
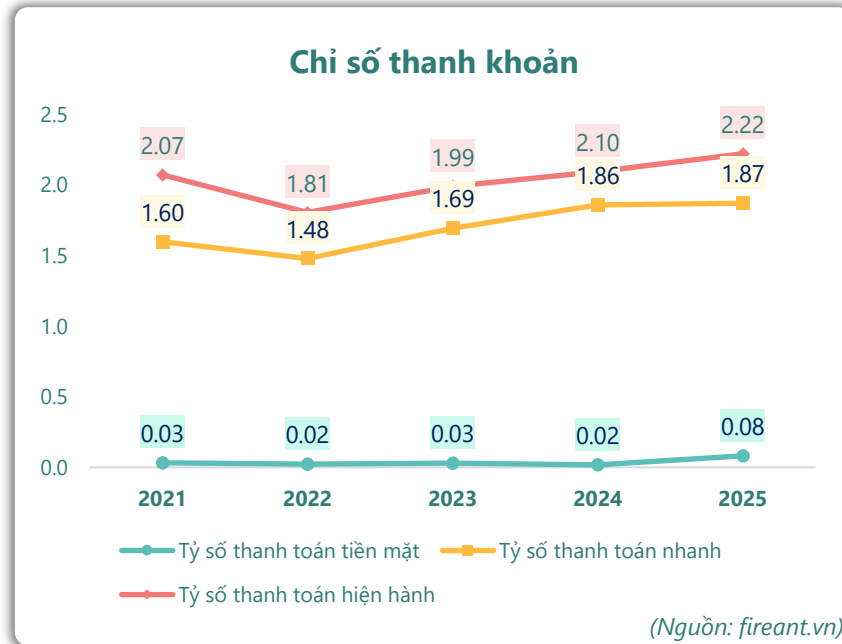
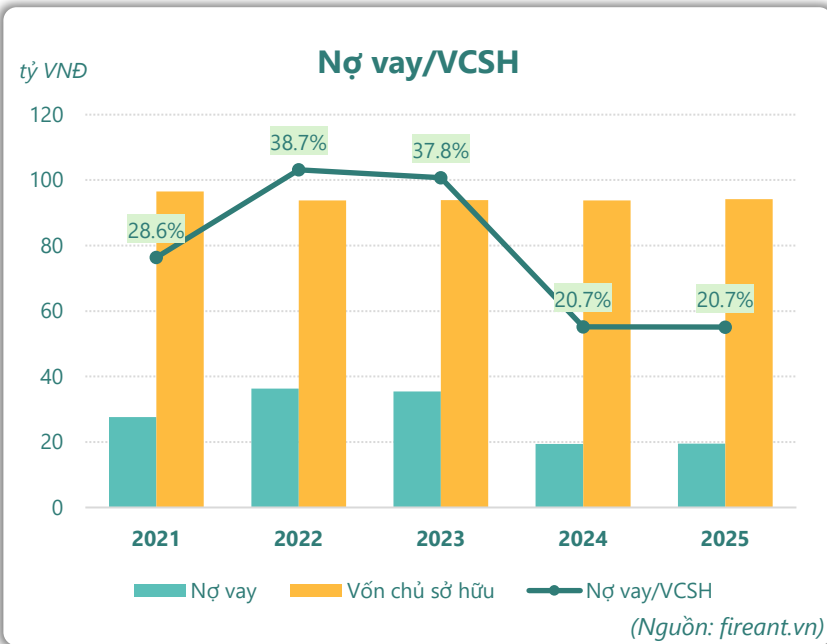
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	69.1	81.0	-14.7%	267	269	-0.6%
Giá vốn hàng bán	59.9	74.3	-19.4%	238	244	-2.7%
Lợi nhuận gộp	9.21	6.72	37.1%	29.6	24.5	20.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	21.7%
Chi phí TC	0.22	0.39	-44.7%	1.10	1.60	-30.9%
Chi phí lãi vay	0.38	0.29	32.5%	1.35	1.39	-3.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.08	2.06	0.9%	7.69	7.10	8.3%
Chi phí QLDN	6.21	3.76	65.3%	18.9	14.4	31.3%
LN thuần từ HĐKD	0.70	0.52	35.5%	1.83	1.40	30.4%
Lợi nhuận khác	0.05	0.05	1.9%	0.08	0.11	-22.3%
LN trước thuế	0.76	0.57	32.5%	1.91	1.51	26.7%
Lợi nhuận sau thuế	0.60	0.38	57.0%	1.45	1.10	31.9%
LNST của CĐ cty mẹ	0.60	0.38	57.0%	1.45	1.10	31.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.39	5.96	-12.4	11.7	3.16	3.56
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	-0.56
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.14	-5.71	16.0	-9.32	-2.82	-4.54
Tiền đầu kỳ	3.48	1.23	1.48	5.07	7.40	7.74
Lưu chuyển tiền thuần	-2.25	0.25	3.58	2.33	0.34	-1.53
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.23	1.48	5.07	7.40	7.74	6.20

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	170	178	-4.6%
Tài sản ngắn hạn	169	177	-4.6%
Tiền và tương đương tiền	6.20	1.48	318%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.94	0.69	35.1%
Phải thu ngắn hạn	135	155	-12.8%
Hàng tồn kho	26.6	19.8	34.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.06	-100%
Tài sản dài hạn	1.48	1.50	-1.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.48	1.50	-1.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	75.8	84.3	-10.1%
Nợ ngắn hạn	75.8	84.3	-10.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.5	19.4	0.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	49.0	53.5	-8.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	94.2	93.8	0.4%
Vốn chủ sở hữu	94.2	93.8	0.4%
Vốn điều lệ	38.0	38.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

